

D. 24000

Câu 14. Cho cấp số nhân với $u_1 = \frac{-1}{2}; u_7 = -32$. Công bội của cấp số nhân là:

- A. $q = \pm \frac{1}{2}$ B. $q = \pm 4$ C. $q = \pm 2$ D. $q = \pm 1$

Câu 15. Số hạng đầu và công bội của cấp số nhân thỏa $u_7 = 5, u_{10} = 135$ lần lượt là

- A. $-\frac{5}{729}$ và -3 B. $\frac{5}{729}$ và -3 C. $-\frac{5}{729}$ và 3 D. $\frac{5}{729}$ và 3

Câu 16. Cho cấp số nhân với $u_1 = 3, q = -2$. Số 192 là số hạng thứ mấy của cấp số nhân trên ?

- A. số hạng thứ 5 B. số hạng thứ 6 C. số hạng thứ 7 D. số hạng thứ 8.

Câu 17. Số hạng đầu và công bội của cấp số nhân với $\begin{cases} u_4 - u_2 = 54 \\ u_5 - u_3 = 108 \end{cases}$ lần lượt là:

- A. 9 và 2 B. 9 và -2 C. -9 và 2 D. -9 và -2

Câu 18. Giá trị của số thực x để 3 số $\frac{-1}{5}; x; \frac{-1}{125}$ lập thành cấp số nhân là

- A. $\pm \frac{1}{\sqrt{5}}$ B. $\pm \frac{1}{25}$ C. $\pm \frac{1}{5}$ D. ± 5

Câu 19. Biết rằng x, y là các số thực sao cho các số $x; 2x - 3y; y$ theo thứ tự lập thành cấp số cộng và các số $x^2; xy - 6; y^2$ theo thứ tự lập thành cấp số nhân. Cặp $(x; y)$ là:

- A. $\left(\sqrt{7}; \frac{3}{\sqrt{7}}\right)$ và $\left(-\sqrt{7}; \frac{-3}{\sqrt{7}}\right)$ B. $\left(-\sqrt{7}; \frac{3}{\sqrt{7}}\right)$ và $\left(\sqrt{7}; \frac{-3}{\sqrt{7}}\right)$
C. $\left(2; \frac{3}{\sqrt{2}}\right)$ và $\left(-2; \frac{-3}{\sqrt{2}}\right)$ D. $\left(-2; \frac{3}{\sqrt{7}}\right)$ và $\left(2; \frac{-3}{\sqrt{7}}\right)$

Câu 20. Cho cấp số cộng (u_n) biết $u_5 = 18, 4S_n = S_{2n}$. Giá trị u_1 và d là:

- A. $u_1 = 3; d = 2$ B. $u_1 = 2; d = 2$ C. $u_1 = 2; d = 4$ D. $u_1 = 2; d = 3$

Câu 21. Tổng $S = 1 + 2 + 2^2 + \dots + 2^{5n-1}$ là một số chia hết cho :

- A. 21 B. 41 C. 51 D. 31

Câu 22. Xen giữa số 3 và số 19683 là 7 số để được một cấp số nhân có $u_1 = 3$. Khi đó u_5 là

- A. -243 B. 729 C. ± 243 D. 243

Câu 23. Tổng $S = \frac{1}{2.5} + \frac{1}{5.8} + \frac{1}{8.11} + \dots + \frac{1}{(3n-1)(3n+2)}$ là:

- A. $S = \frac{n}{2(3n+2)}$ B. $S = \frac{3n}{2(3n+2)}$ C. $S = \frac{3n+1}{2(3n+2)}$ D. $S = \frac{3n}{3n+2}$

Câu 24. Nghiệm của phương trình $1 + 7 + 13 + \dots + x = 280$ là:

- A. 53 B. 57 C. 55 D. 59

Câu 25. Cho dãy số $u_n = \frac{2n}{n^2 + 1}$. Số $\frac{9}{41}$ là số hạng thứ bao nhiêu trong dãy số ?

- A. 9 B. 10 C. 8 D. 11

Câu 26. Ba số $\frac{2}{b-a}; \frac{1}{b}; \frac{2}{b-c}$ (với $b \neq 0; b \neq a; b \neq c$) theo thứ tự lập thành một cấp số cộng.

Khẳng định nào sau đây là đúng ?

- A. Ba số a, b, c lập thành cấp số cộng B. Ba số b, a, c lập thành cấp số nhân

- C. Ba số b, a, c lập thành cấp số cộng
 D. Ba số a, b, c lập thành cấp số nhân
- Câu 27.** Một cấp số cộng có $u_1 = 5$, $u_{12} = 38$. Giá trị u_{10} là:
 A. 24
 B. 32
 C. 30
 D. 35
- Câu 28.** Tổng $S = 3 + 8 + 13 + \dots + 2018$ là:
 A. $S = 2039189$
 B. $S = 410263$
 C. $S = 408242$
 D. $S = 406221$
- Câu 29.** Cho dãy số (u_n) xác định bởi $\begin{cases} u_1 = 1 \\ u_{n+1} = u_n + 2 \end{cases}$. Số 33 là số hạng thứ mấy của dãy?
 A. 17
 B. 14
 C. 15
 D. 16
- Câu 30.** Nghiệm của phương trình $(x+1) + (x+4) + (x+7) + \dots + (x+28) = 155$ là:
 A. 1
 B. 2
 C. 11
 D. 4
- Câu 31.** Tổng $S = 1 + 11 + 111 + \dots + \underbrace{11\dots11}_{n \text{ số } 1}$ là:
 A. $S = \frac{10}{81}(10^{n-1} - 1) - \frac{n}{9}$
 B. $S = \frac{10}{81}(10^n - 1) + \frac{n}{9}$
 C. $S = \frac{1}{81}(10^n - 1) - \frac{n}{9}$
 D. $S = \frac{10}{81}(10^n - 1) - \frac{n}{9}$
- Câu 32.** Tổng $S = 1.4 + 2.7 + 3.10 + \dots + n(3n+1)$ là:
 A. $S = n(n+1)^2$
 B. $S = n(n+2)^2$
 C. $S = n(n+1)$
 D. $S = 2n(n+1)$
- Câu 33.** Cho ba số a, b, c ($a > b > c$) lập thành một cấp số nhân biết $a + b + c = 19$ và $abc = 216$. Giá trị của a, b, c lần lượt là:
 A. 4; 6; 9
 B. $4; \frac{8}{3}; \frac{16}{9}$
 C. $\frac{81}{4}; \frac{27}{2}; 9$
 D. 9; 6; 4
- Câu 34.** Cho cấp số nhân (u_n) có $S_2 = 4$, $S_3 = 13$. Khi đó, S_5 bằng:
 A. 121 hoặc $\frac{35}{16}$
 B. 141 hoặc $\frac{183}{16}$
 C. 144 hoặc $\frac{185}{16}$
 D. 121 hoặc $\frac{181}{16}$
- Câu 35.** Số hạng lớn nhất của dãy số $u_n = \frac{n}{n^2 + 100}$ là:
 A. $\frac{1}{21}$
 B. $\frac{1}{20}$
 C. $\frac{1}{25}$
 D. $\frac{1}{30}$
- Câu 36.** Cho cấp số cộng (u_n) có $S_n = 2n^2 - 3n$. Giá trị u_1 và d là:
 A. $u_1 = 1; d = 3$
 B. $u_1 = 2; d = 2$
 C. $u_1 = -1; d = 4$
 D. $u_1 = -1; d = -4$
- Câu 37.** Một cấp số cộng có $\begin{cases} u_3 + u_5 = 5 \\ u_3 \cdot u_5 = 6 \end{cases}$. Giá trị u_1 là:
 A. 2
 B. 4
 C. 3
 D. -4
- Câu 38.** Biết tổng n số hạng đầu của một dãy số là $S_n = 2n^2 + 3n$. Khi đó dãy số trên là
 A. cấp số cộng và $u_{10} = 40$
 B. cấp số nhân và $u_{10} = 41$
 C. cấp số nhân và $u_{10} = 40$
 D. cấp số cộng và $u_{10} = 41$
- Câu 39.** Bốn nghiệm của phương trình $x^4 - 10x^2 + m = 0$ là 4 số hạng liên tiếp của một cấp số cộng. Khi đó giá trị của m là:
 A. 24
 B. 9
 C. 21
 D. 16
- Câu 40.** Ba cạnh của tam giác vuông lập thành ba số hạng liên tiếp của một cấp số nhân. Khi đó công bội của cấp số nhân đó là:

A. $q = \frac{1-\sqrt{5}}{2}$

B. $q = \frac{1\pm\sqrt{5}}{2}$

C. $q = \frac{1+\sqrt{5}}{2}$

D. $q = \pm\sqrt{\frac{1+\sqrt{5}}{2}}$

Câu 41. Các giá trị của n để $2^n > n^2 + 4n + 5$ là:

A. $n \geq 7$

B. $n \geq 6$

C. $n \geq 8$

D. $n \geq 5$

Câu 42. Cho cấp số nhân (u_n) biết $u_3 = 8, u_5 = 32$. Giá trị u_{10} là:

A. 1024

B. -1024

C. 512

D. -512

Câu 43. Tổng $S = \frac{1}{1.3} + \frac{1}{3.5} + \frac{1}{5.7} + \dots + \frac{1}{(2n-1)(2n+1)}$ là:

A. $S = \frac{n+1}{2n}$

B. $S = \frac{2n}{2n+1}$

C. $S = \frac{n}{n+1}$

D. $S = \frac{n}{2n+1}$

Câu 44. Nếu $\frac{1}{b+c}; \frac{1}{c+a}; \frac{1}{a+b}$ lập thành một cấp số cộng (theo thứ tự đó) thì dãy số nào sau đây lập thành một cấp số cộng?

A. $b^2; a^2; c^2$

B. $c^2; a^2; b^2$

C. $a^2; b^2; c^2$

D. $a^2; c^2; b^2$

Câu 45. Tổng $S = \frac{1}{1.2} + \frac{1}{2.3} + \frac{1}{3.4} + \dots + \frac{1}{(n-1)n}$ là:

A. $S = \frac{n-1}{n}$

B. $S = \frac{n+1}{n}$

C. $S = \frac{n}{n+1}$

D. $S = \frac{n-1}{n+1}$

Câu 46. Tam giác ABC có ba góc A, B, C lập thành một cấp số nhân có công bội bằng 2. Ba góc A, B, C biết ($A < B < C$) lần lượt là:

A. $\frac{\pi}{6}; \frac{\pi}{3}; \frac{\pi}{2}$

B. $\frac{\pi}{7}; \frac{2\pi}{7}; \frac{4\pi}{7}$

C. $\frac{\pi}{8}; \frac{\pi}{4}; \frac{\pi}{2}$

D. $\frac{\pi}{10}; \frac{\pi}{5}; \frac{2\pi}{5}$

Câu 47. Có bao nhiêu số tự nhiên không vượt quá 1000 và khi chia cho 5 có số dư là 3?

A. 198

B. 159

C. 200

D. 201

Câu 48. Tổng $S = 9 + 99 + 999 + \dots + \underbrace{99\dots99}_{n \text{ số } 9}$ là:

A. $S = \frac{1}{9}(10^n - 1) - n$

B. $S = \frac{10}{9}(10^n - 1) + n$

C. $S = \frac{10}{9}(10^n - 1) - n$

D. $S = \frac{10}{9}(10^{n-1} - 1) - n$

Câu 49. Một tam giác vuông có chu vi bằng 3 và độ dài các cạnh lập thành một cấp số cộng. Độ dài các cạnh của tam giác đó là:

A. $\frac{1}{2}; 1; \frac{3}{2}$

B. $\frac{1}{3}; 1; \frac{5}{3}$

C. $\frac{3}{4}; 1; \frac{5}{4}$

D. $\frac{1}{4}; 1; \frac{7}{4}$

Câu 50. Cho cấp số cộng có tổng 10 số hạng đầu tiên và 100 số hạng đầu tiên lần lượt là 100 và 10. Khi đó tổng của 110 số hạng đầu tiên là

A. 90

B. -90

C. -110

D. 110

Câu 51. Cho cấp số cộng (u_n) có công sai khác 0. Chọn khẳng định *sai* trong các khẳng định sau?

A. $u_2 + u_{17} = u_3 + u_{16}$

B. $u_2 + u_{17} = u_4 + u_{15}$

C. $u_2 + u_{17} = u_6 + u_{13}$

D. $u_2 + u_{17} = u_1 + u_{19}$

Câu 52. Cho cấp số cộng có $u_5 = -15, u_{20} = 60$. Tổng của 20 số hạng đầu tiên của cấp số cộng trên là

A. 200

B. -200

C. 250

D. -250

Câu 53. Cho cấp số nhân có $u_1 = -1, u_6 = 0,00001$. Khi đó công bội q và số hạng tổng quát u_n là

A. $q = \frac{-1}{10}, u_n = \frac{(-1)^n}{10^{n-1}}$ B. $q = \frac{-1}{10}, u_n = -10^{n-1}$ C. $q = \frac{1}{10}, u_n = \frac{-1}{10^{n-1}}$ D. $q = \frac{-1}{10}, u_n = \frac{1}{10^{n-1}}$

Câu 54. Cho cấp số nhân có $u_1 = -1; q = \frac{-1}{10}$. Số $\frac{1}{10^{103}}$ là số hạng thứ bao nhiêu ?

A. số hạng thứ 103 B. số hạng thứ 104 C. số hạng thứ 105 D. số hạng thứ 106

Câu 55. Cho a, b, c lập thành cấp số cộng. Đẳng thức nào sau đây là đúng ?

A. $a^2 + c^2 = 2ab + 2bc$ B. $a^2 + c^2 = 2ab - 2bc$ C. $a^2 - c^2 = 2ab - 2bc$ D. $a^2 - c^2 = ab - bc$

Câu 56. Cho cấp số nhân $-2; 4; -8; \dots$. Tổng của n số hạng đầu tiên của cấp số nhân này là

A. $\frac{-2(1 - (-2)^n)}{1 - (-2)}$ B. $\frac{-2(1 - (2)^n)}{1 - 2}$ C. $\frac{-2(1 - (-2)^{2n})}{1 - (-2)}$ D. $\frac{-2(1 - (2)^{2n})}{1 - 2}$

Câu 57. Cho cấp số nhân (u_n) có $u_1 = 24$ và $\frac{u_4}{u_{11}} = 16384$. Số hạng u_{17} là:

A. $\frac{3}{67108864}$ B. $\frac{3}{368435456}$ C. $\frac{3}{536870912}$ D. $\frac{3}{2147483648}$

Câu 58. Cho cấp số cộng: $6; x - 2; y$. Kết quả nào sau đây là đúng?

A. $\begin{cases} x = 2 \\ y = 5 \end{cases}$ B. $\begin{cases} x = 4 \\ y = 6 \end{cases}$ C. $\begin{cases} x = 2 \\ y = -6 \end{cases}$ D. $\begin{cases} x = 4 \\ y = -6 \end{cases}$

Câu 59. Cho cấp số nhân: $-2; x; -18; y$. Kết quả nào sau đây là đúng ?

A. $\begin{cases} x = 6 \\ y = -54 \end{cases}$ B. $\begin{cases} x = -10 \\ y = -26 \end{cases}$ C. $\begin{cases} x = -6 \\ y = -54 \end{cases}$ D. $\begin{cases} x = -6 \\ y = 54 \end{cases}$

Câu 60. Tổng 10 số hạng đầu tiên của cấp số nhân (u_n) với $u_1 = -3$ và công bội $q = -2$ bằng

A. -511 B. -1025 C. 1025 D. 1023

Câu 61. Cho dãy số (u_n) , biết $u_n = 3^n$. Số hạng u_{n+1} bằng:

A. $3^n + 1$ B. $3^n + 3$ C. $3 \cdot 3^n$ D. $3(n + 1)$

Câu 62. Cho cấp số nhân (u_n) có: $u_2 = -2$ và $u_5 = 54$. Khi đó tổng 1000 số hạng đầu tiên của cấp số nhân đó bằng

A. $\frac{1 - 3^{1000}}{4}$ B. $\frac{3^{1000} - 1}{2}$ C. $\frac{3^{1000} - 1}{6}$ D. $\frac{1 - 3^{1000}}{6}$

Câu 63. Xét các phát biểu sau:

(1) Dãy số $u_1, u_2, u_3, \dots$ được gọi là cấp số cộng với công sai $d \neq 0$, nếu như $u_n = u_{n+1} + d$ với mọi $n = 2, 3, \dots$

(2) Nếu dãy số $u_1, u_2, u_3, \dots$ là cấp số cộng với công sai $d \neq 0$, nếu như $u_n = u_1 + (n + 1)d$ với mọi $n = 2, 3, \dots$

Khẳng định nào sau đây là đúng ?

A. (1) đúng, (2) sai B. cả (1) và (2) đúng C. cả (1) và (2) sai D. (2) đúng, (1) sai

Câu 64. Xét các phát biểu sau

(1) Dãy số $u_1, u_2, u_3, \dots$ được gọi là cấp số cộng với công sai $d \neq 0$ thì $u_k = \frac{u_{k-1} - u_{k+1}}{2}$ với mọi $k = 2, 3, \dots$

(2) Nếu dãy số $u_1, u_2, u_3, \dots, u_n$ là cấp số cộng với công sai $d \neq 0$, nếu như $u_1 + u_n = u_k + u_{n-k}$ với mọi $k = 2, 3, \dots, n-1$

Khẳng định nào sau đây là **đúng** ?

- A. (1) đúng, (2) sai B. cả (1) và (2) đúng C. **cả (1) và (2) sai** D. (2) đúng, (1) sai

Câu 65. Ba cạnh của một tam giác vuông có độ dài là các số nguyên dương lập thành một cấp số cộng. Thế thì một cạnh có thể có độ dài bằng:

- A. 22 B. 58 C. **81** D. 91

Câu 66. Cho dãy: 729, 486, 324, 216, 144, 96, 64, ... Đây là một cấp số nhân với

- A. Công bội là 3 và phần tử đầu tiên là 729 B. Công bội là 2 và phần tử đầu tiên là 64
C. **Công bội là $\frac{2}{3}$ và phần tử đầu tiên là 729** D. Công bội là $\frac{1}{2}$ và phần tử đầu tiên là 729

Câu 67. Xét các câu sau:

(1) Nếu dãy số $u_1, u_2, u_3, \dots, u_n$ là cấp số nhân với công bội $q (q \neq 0, q \neq 1)$ thì $u_n = u_1 q^{n-1}$ với $\forall n = 1, 2, 3, \dots$

(2) Nếu dãy số $u_1, u_2, u_3, \dots, u_n$ là cấp số nhân với công bội $q (q \neq 0, q \neq 1)$ thì $u_k = \sqrt{u_{k-1} u_{k+1}}$ với $\forall k = 2, 3, \dots$

Khẳng định nào sau đây là **đúng** ?

- A. (1) đúng, (2) sai B. **cả (1) và (2) đúng** C. cả (1) và (2) sai D. (2) đúng, (1) sai

Câu 68. Cho cấp số nhân $u_1, u_2, u_3, \dots, u_n$ với công bội $q (q \neq 0; q \neq 1)$. Đặt: $S_n = u_1 + u_2 + \dots + u_n$. Khi đó ta có:

- A. $S_n = \frac{u_1(q^n + 1)}{q + 1}$ B. $S_n = \frac{u_1(q^n - 1)}{q - 1}$ C. $S_n = \frac{u_1(q^{n-1} - 1)}{q + 1}$ D. $S_n = \frac{u_1(q^{n-1} - 1)}{q - 1}$

Câu 69. Cho ba số thực a, b, c khác 0. Xét các phát biểu sau

(1) Nếu a, b, c theo thứ tự đó lập thành cấp số cộng (công sai khác 0) thì ba số $\frac{1}{a}, \frac{1}{b}, \frac{1}{c}$ theo thứ tự đó cũng lập thành cấp số cộng

(2) Nếu a, b, c theo thứ tự đó lập thành cấp số nhân thì ba số $\frac{1}{a}, \frac{1}{b}, \frac{1}{c}$ theo thứ tự đó cũng lập thành cấp số nhân

Khẳng định nào sau đây là **đúng** ?

- A. (1) đúng, (2) sai B. cả (1) và (2) đúng C. cả (1) và (2) sai D. **(2) đúng, (1) sai**

Câu 70. Số các số hạng trong một cấp số cộng là chẵn. Tổng các số hạng thứ lẻ và các số hạng thứ chẵn lần lượt là 24 và 30. Biết số hạng cuối lớn hơn số hạng đầu là $\frac{21}{2}$; số các số hạng là bao nhiêu? Đáp số của bài toán là:

- A. 20 B. 18 C. 12 D. **8**

Câu 71. Trong một cấp số nhân gồm các số hạng dương, hiệu số giữa số hạng thứ 5 và thứ 4 là 576 và hiệu số giữa số hạng thứ 2 và số hạng đầu là 9. Tìm tổng 5 số hạng đầu tiên của cấp số nhân này:

- A. 1061 B. **1023** C. 1024 D. 768

Câu 72. Cho một cấp số nhân có n số hạng, số hạng đầu tiên là 1, công bội r và tổng là s , trong đó r và s đều khác 0. Tổng các số hạng của cấp số nhân mới tạo thành bằng cách thay mỗi số hạng của cấp số nhân ban đầu bằng số nghịch đảo của nó là:

- A. $\frac{1}{s}$ B. $\frac{1}{r^n s}$ C. $\frac{s}{r^{n-1}}$ D. $\frac{r^n}{s}$

Câu 73. Biết C_n^1, C_n^2, C_n^3 lập thành cấp số cộng với $n > 3$, thế thì n bằng:

- A. 5 B. 7 C. 9 D. 11

Câu 74. Cho cấp số nhân (u_n) có $\begin{cases} u_{20} = 8u_{17} \\ u_1 + u_5 = 272 \end{cases}$. Công bội của cấp số nhân là:

- A. $q = 2$ B. $q = -4$ C. $q = 4$ D. $q = -2$

Câu 75. Ba số x, y, z theo thứ tự lập thành một cấp số nhân với công bội q khác 1; đồng thời các số $x, 2y, 3z$ theo thứ tự lập thành một cấp số cộng với công sai khác 0. Giá trị của q là

- A. $q = \frac{1}{3}$ B. $q = \frac{1}{9}$ C. $q = -\frac{1}{3}$ D. $q = -3$

Câu 76. Ba số $\sin 3x, \sin 2x, \sin x$ theo thứ tự lập thành cấp số cộng (có công sai khác 0) thì giá trị của x trong đoạn $\left[0; \frac{\pi}{2}\right]$ là:

- A. $\frac{\pi}{4}$ B. 0 hay $\frac{\pi}{2}$ C. 0 D. $\frac{\pi}{2}$

Câu 77. a, b, c, e, d là 5 số hạng liên tiếp của cấp số nhân. Biết $ace = 125$ thì c có giá trị là:

- A. 15 B. 5 C. 25 D. 10

Câu 78. Cho dãy số tăng a, b, c theo thứ tự lập thành cấp số nhân, đồng thời $a, b+8, c$ tạo thành cấp số cộng và $a, b+8, c+64$ lập thành cấp số nhân. Khi đó giá trị của $a - b + 2c$ bằng:

- A. $\frac{184}{9}$ B. 64 C. $\frac{92}{9}$ D. 32

Câu 79. Một người muốn chia 1 triệu đồng cho bốn người con, đứa lớn hơn đứa nhỏ kế tiếp 100.000 đồng. Hỏi đứa con lớn tuổi nhất được bao nhiêu tiền?

- A. 100.000 đồng B. 300.000 đồng C. 400.000 đồng D. 200.000 đồng.

Câu 80. Một du khách vào chuồng đua ngựa đặt cược, lần đầu đặt 20000 đồng, mỗi lần sau tiền đặt gấp đôi lần tiền đặt cược trước. Người đó thua 9 lần liên tiếp và thắng ở lần thứ 10. Hỏi du khách trên được hay thua bao nhiêu?

- A. hòa vốn B. thua 20000 đồng
C. thắng 20000 đồng D. thua 40000 đồng.

Chúc các em ôn tập hiệu quả và đạt kết quả cao nhất trong kì thi sắp tới !

Gmail: windylamphong@gmail.com

Facebook: <http://facebook.com/lamphong.windy>

Group Toán 3[K]

Thầy Lâm Phong – Mr.Lafo (Quận 11, Sài Gòn - 0933524179).



Link đọc thử:

<https://drive.google.com/file/d/0BwLdTxxQ8tBdR3RQdWVySG9adnc/view>

Link đăng ký:

https://docs.google.com/forms/d/e/1FAIpQLSeFKUiE_oidJo95735VLLhSHs-ZPekrOGZPSIpOWAMN_gh2tA/viewform

Chúc các em ôn tập hiệu quả và đạt kết quả cao nhất trong kì thi sắp tới !

Gmail: windylamphong@gmail.com

Facebook: <http://facebook.com/lamphong.windy>

Thầy Lâm Phong – Mr.Lafo (Quận 11, Sài Gòn - 0933524179).